TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2018/DS-PT
Ngày 30-10-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Trần Văn Sự - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2018/TLPT–DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 144/2018/QĐPT-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Bà Lâm Thị Hồng U, sinh năm 1967; Địa chỉ: xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai Q, sinh năm 1988; Địa chỉ: Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh – là người đại diện theo ủy quyền. (Theo văn bản ủy quyền ngày 14-9-2017) (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Kim V, sinh năm 1967; Ông Nguyễn Quốc L1, sinh năm 1963; Địa chỉ: xã E, huyện H, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông L1: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1961; Địa chỉ: xã Th, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. – Là người đại diện theo ủy quyền. (Theo văn bản ủy quyền ngày 22-6-2018) (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Quốc L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 9 năm 201, lời trình bày của bà Lâm Thị Hồng U, người đại diện theo ủy quyền của bà U thể hiện:***

Bà Nguyễn Kim V vay tiền của bà nhiều lần tổng cộng 350.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 27-01-2016 (AL) vay 50.000.000 đồng; Ngày 12-3-2016 (AL) vay 50.000.000 đồng; Ngày 25-8-2016 (AL) vay 50.000.000 đồng; Ngày 03-9-2016 (AL) vay 60.000.000 đồng; Ngày 11-9-2016 (AL) vay 15.000.000 đồng; Ngày 21-9-2016 (AL) vay 100.000.000 đồng và ngày 18-10-2016 (AL) vay 25.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận 6%/01 tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Giấy vay tiền do bà V ký tên. Bà V trả tiền lãi đến tháng 03-2017 thì ngưng. Ngày 20-6-2017, ông L1 trả cho bà U 60.000.000 đồng, còn nợ 290.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà U có tham gia dùm cho bà V 02 dây hụi. Sau khi hốt hụi bà V góp phần hụi còn lại được vài kỳ thì ngưng, bà U phải góp phần hụi còn lại thay cho bà V cụ thể:

- Dây hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 20-12-2016 (AL), kết thúc hụi ngày 05-7-2018; gồm có 40 phần hụi, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 05 và ngày 20 hàng tháng. Bà V tham gia 01 phần và hốt đầu được 26.800.000 đồng. Bà V góp hụi được 10 lần số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 29 lần không góp số tiền 29.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 05-4-2017 (AL), kết thúc vào ngày 20-10-2018 gồm có 40 phần hụi, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 05 và ngày 20 hàng tháng. Bà V tham gia 05 phần, hốt đầu được 134.000.000 đồng. Bà V góp lại 02 lần số tiền 10.000.000 đồng thì ngưng. Do bà Liên chủ hụi yêu cầu bà trả lại tiền hụi vốn nên bà chỉ yêu cầu bà V trả số tiền hụi đã hốt sau khi trừ số tiền hụi đã góp còn nợ là 124.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà V nợ bà sau khi trừ số tiền đã góp còn 443.000.000 đồng.

Toàn bộ khoản nợ bà V, ông L1 không trả cho bà nên bà yêu cầu bà V, ông L1 trả 443.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

**** Bị đơn Bà Nguyễn Kim V trình bày:*** Thống nhất lời trình bày của bà U, bà có nợ bà U 443.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi ba triệu đồng), do làm ăn thất bại nên không trả tiền cho bà U. Nay bà U yêu cầu bà trả 443.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà U số tiền này nhưng yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả cho bà U.

****Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 11-4-2018 bị đơn ông Nguyễn Quốc L1 trình bày***:

Ông là chồng của bà V, ông quen biết với bà U, nhưng việc bà V vay tiền, góp hụi của bà U ông không biết. Khi bà V vỡ nợ, ngày 13-7-2017 ông có bán xe trả cho bà U 60.000.000 đồng.

Ông không biết bà V nợ bà U nên không đồng ý trả nợ cho bà U.

Tại bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Hồng U đối với Bà Nguyễn Kim V và ông Nguyễn Quốc L1 về tranh chấp tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc Bà Nguyễn Kim V và ông Nguyễn Quốc L1 có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị Hồng U số tiền vay là 382.917.500 đồng (ba trăm tám mươi hai triệu chín trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Hồng U yêu cầu Bà Nguyễn Kim V và ông Nguyễn Quốc L1 trả số tiền hụi 12.200.000 đồng (mười hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 10-5-2018 ông Nguyễn Quốc L1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 13-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện H. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xem xét lại tiền lãi bà V trả lãi từ năm 2013 không phải từ năm 2016; ông không đồng ý cùng bà V trả tiền cho bà U như phần quyết định của bản án đã tuyên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:*

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông L1 cho rằng ông không biết việc bà V vay tiền của bà U. Vợ chồng ông kinh doanh xe vận tải đường dài nếu cần tiền tiền sẽ vay của ngân hàng, không vay tiền của người khác nên ông không đồng ý cùng bà V trả cho bà U 382.917.500 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông L1 xác nhận vợ chồng ông kinh doanh xe vận tải đường dài. Bà V phụ giúp ông trong công việc, ngoài ra bà V không làm việc gì khác nhưng sau khi biết việc ông cũng đã bán xe trả cho bà U

60.000.000 đồng. Mặt khác, khoản tiền bà V vay của bà U phát sinh trong khoảng thời gian vợ chồng ông L1 còn hoạt động kinh doanh và trong thời kỳ hôn nhân của ông bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D người đại diện tho ủy quyền của ông L1 cũng trình bày việc kinh doanh do ông L1 quản lý, bà V quản lý chi tiêu gia đình. Vì vậy quan hệ vay tiền giữa bà U và bà V tuy chỉ do một mình bà V giao dịch nhưng nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình của vợ chồng ông bà. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, ông L1 phải chịu trách nhiệm liên đới với bà V trả toàn bộ khoản nợ cho bà U 382.917.500 đồng là có căn cứ.

[2] Đối với kháng cáo tiền lãi thấy rằng: Ông L1 cho rằng bà V trả lãi từ năm 2013, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà V và bà U thống nhất bà V vay tiền bà U từ năm 2016.

Ông L1 kháng cáo nhưng không xuất trình chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông L1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm

[3] Về án phí: Do kháng cáo của ông L1 không được chấp nhận nên ông L1 phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc L1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2018/DS -ST ngày 13-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Hồng U đối với Bà Nguyễn Kim V và ông Nguyễn Quốc L1 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc Bà Nguyễn Kim V và ông Nguyễn Quốc L1 có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị Hồng U 382.917.500 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu chín trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Hồng U yêu cầu Bà Nguyễn Kim V và ông Nguyễn Quốc L1 trả 12.200.000 đồng. (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kim V, ông Nguyễn Quốc L1 phải chịu 19.146.000 đồng (Mười chín triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Bà U phải chịu 610.000 đồng (Sáu trăm mười nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà U đã nộp 10.860.000 đồng theo biên lai thu số 0004530 ngày 06-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho bà Lâm Thị Hồng U 10.250.000 đồng (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc L1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L1 đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019921 ngày 10-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục THA H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.